



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Thừa Thiên Huế

Số 31

Ngày 11 tháng 7 năm 2019

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ VANG

| | Trang |
|---|-------|
| 03-7-2019 | 02 |
| Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND về một số giải pháp đẩy mạnh việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2019. | |

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

| | | |
|-----------|---|----|
| 02-7-2019 | Quyết định số 1575/QĐ-UBND ban hành tiêu chí những dự án phát triển hạ tầng giao thông vận tải thực hiện mục tiêu giảm tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông. | 07 |
| 10-7-2019 | Quyết định số 1668/QĐ-UBND về cơ chế, chính sách, đối tượng hỗ trợ, mức hỗ trợ kinh phí trong phòng, chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi. | 10 |
| 04-7-2019 | Chỉ thị số 14/CT-UBND về việc tăng cường các biện pháp cấp bách phòng cháy, chữa cháy rừng. | 14 |
| 08-7-2019 | Chỉ thị số 15/CT-UBND về việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019. | 16 |

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ VANG**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN PHÚ VANG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2019/NQ-HĐND

Phú Vang, ngày 03 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Về một số giải pháp đẩy mạnh việc thực hiện nhiệm vụ
phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2019**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ VANG
KHÓA VI - KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Sau khi xem xét Tờ trình và Báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện về tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2019; Báo cáo thẩm tra, thuyết trình của các Ban kinh tế - xã hội, Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến phát biểu của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2019. Căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2019, Hội đồng nhân dân huyện thống nhất giữ nguyên và tiếp tục thực hiện những mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 đã được Nghị quyết Hội đồng nhân dân huyện đề ra. Đồng thời nhấn mạnh một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cần tập trung thực hiện quyết liệt hơn trong 6 tháng cuối năm 2019, như sau:

1. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2019:

6 tháng đầu năm 2019, được sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh, sự giúp đỡ của các ban, ngành cấp tỉnh, sự chỉ đạo thường xuyên của Ban Thường vụ Huyện ủy, việc tăng cường kiểm tra, giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, cùng với

sự nỗ lực, phân đấu của các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân, các doanh nghiệp nên tình hình kinh tế - xã hội của huyện tiếp tục phát triển ổn định. Đối chiếu với các chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết của Huyện ủy và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện đề ra từ đầu năm 2019, nhiều chỉ tiêu đã được triển khai thực hiện tích cực, đạt được kết quả quan trọng; Dịch vụ thương mại phát triển mạnh; Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, Xây dựng duy trì mức tăng trưởng so với cùng kỳ; Sản xuất nông nghiệp tuy gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh dịch tả lợn Châu Phi nhưng vẫn tiếp tục phát triển theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất; lĩnh vực văn hóa xã hội có nhiều chuyển biến tích cực, an sinh xã hội được bảo đảm; Quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Tuy nhiên, Bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong 6 tháng đầu năm 2019 vẫn còn một số khó khăn, hạn chế, đó là:

a) Công tác thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt và vệ sinh môi trường các chợ còn nhiều bất cập, chưa được thu gom, xử lý. Hệ thống phòng cháy chữa cháy chưa đầu tư; một số chợ chưa được xây dựng kiên cố.

b) Công tác quản lý nhà nước, phát triển du lịch, dịch vụ du lịch vẫn chưa xứng tầm với tiềm năng của địa phương. Phát triển về du lịch chưa đồng bộ, thiếu các thiết chế văn hóa, thể thao. Công tác trùng tu, tôn tạo các công trình di tích lịch sử, cách mạng, kiến trúc nghệ thuật còn gặp nhiều khó khăn chưa đáp ứng được yêu cầu.

c) Công tác tiếp cận và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật được chú trọng, đã có kết quả bước đầu nhưng còn ít, chưa đáp ứng được nhu cầu sản xuất. Liên kết sản xuất theo cánh đồng lớn gắn với bao tiêu nông sản tuy có phát triển nhưng còn ở quy mô nhỏ.

d) Huy động cháu nhà trẻ và mẫu giáo đến trường còn thấp so với kế hoạch chỉ tiêu của Sở Giáo dục và Đào tạo đề ra do một số trường còn thiếu phòng học nên hạn chế việc huy động trẻ ra lớp vì số lượng trẻ quá tải so với số lượng trẻ quy định.

2. Nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2019

Để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu về phát triển kinh tế - xã hội đã được Nghị quyết của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân huyện đã đề ra từ đầu năm 2019, bên cạnh các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện theo Nghị quyết, cần tập trung chỉ đạo thực hiện đối với các chỉ tiêu đạt thấp và khắc phục, giải quyết các tồn tại hạn chế trong 6 tháng đầu năm 2019 như sau:

a) **Đẩy mạnh phát triển kinh tế, nâng cao đời sống cho nhân dân**

Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để đẩy mạnh phát triển sản xuất, dịch vụ, du lịch và thu hút đầu tư. Huy động các nguồn lực của các thành phần kinh tế để phát triển và nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ.

Đôn đốc tiến độ triển khai dự án Khu nghỉ dưỡng nước khoáng nóng Mỹ An; Khởi công xây dựng dự án khu vui chơi và công viên biển (HAB Park) ở Vinh Thanh; Phối hợp và hỗ trợ để sớm triển khai dự án Khu du lịch, vui chơi giải trí và nghỉ dưỡng cao cấp ở Vinh Xuân - Vinh Thanh.

Tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu tiềm năng, lợi thế để kêu gọi đầu tư nhà máy sản xuất ưu tiên trong lĩnh vực kỹ thuật công nghệ vào Khu công nghiệp Phú Đa. Lập danh mục đầu tư để xin vốn Trung ương, tỉnh và xúc tiến kêu gọi đầu tư hạ tầng vào Cụm công nghiệp Thuận An. Hoàn chỉnh đầu tư hạ tầng làng nghề nước mắm xã Phú Thuận. Sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn khuyến công của tỉnh và huyện để hỗ trợ phát triển sản phẩm các ngành nghề nông thôn và làng nghề truyền thống.

Chỉ đạo thẳng lợi sản xuất lúa vụ Hè Thu. Theo dõi các đối tượng sâu bệnh hại trên hoa, rau các loại và các cây trồng khác để có biện pháp quản lý, phòng trừ kịp thời.

Thực hiện tốt công tác phòng trừ dịch bệnh cho gia súc, gia cầm. Hướng dẫn người dân phát triển chăn nuôi tập trung quy mô trang trại gia trại đồng thời vừa phát triển chăn nuôi nông hộ theo hình thức công nghiệp, an toàn sinh học và chuẩn bị tốt các điều kiện về giống, chuồng trại, thức ăn,... để khôi phục chăn nuôi lợn ngay sau khi dịch bệnh dịch tả lợn Châu Phi được khống chế.

Tiếp tục vận động ngư dân đóng mới, cải hoán tàu công suất cao, mua sắm trang thiết bị và cải tiến ngư lưới cụ để vươn khơi bám biển dài ngày. Tổ chức cho 53 chiếc tàu được Chi cục thủy sản cấp phép khai thác thủy sản bằng nghề giã cào ký cam kết đánh bắt đúng luồng tuyến theo quy định; Yêu cầu 70 chủ tàu còn lại cam kết đánh bắt đúng nghề được Chi cục thủy sản cho phép.

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo để hoàn thành các tiêu chí còn thiếu của các xã Vinh Thanh, Phú Dương, Phú Thanh phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2019.

Triển khai có hiệu quả công tác vớt bèo trên sông, hói và diệt trừ cây Mai Dương. Tiếp tục triển khai kế hoạch thực hiện Đề án “Ngày Chủ nhật xanh”. Xây dựng kế hoạch giải tỏa dứt điểm tình trạng tái tập kết cát, sỏi tại bãi tập kết cát, sỏi không phù hợp quy hoạch trên địa bàn.

b) Tiếp tục phát triển văn hóa - xã hội, giáo dục, y tế, đảm bảo an sinh xã hội

Chuẩn bị tốt các điều kiện để triển khai nhiệm vụ năm học 2019 - 2020. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Tiếp tục xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia năm 2019 theo lộ trình.

Thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước về công tác gia đình, hoạt động du lịch, công nghệ thông tin viễn thông. Triển khai cắm mốc các di tích trên địa bàn. Quản lý tốt các loại hình dịch vụ văn hóa.

Nâng cao chất lượng thông tin tuyên truyền trên Đài truyền thanh huyện và đài, trạm truyền thanh cơ sở phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh.

Làm tốt công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân; đảm bảo chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm.

Thực hiện tốt các chính sách, biện pháp trợ giúp phát triển kinh tế và tiếp cận các dịch vụ xã hội cho người nghèo. Phát triển mạng lưới dạy nghề cho người lao động, nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo và đào tạo nghề.

c) Tăng cường công tác thu ngân sách, kết hợp quản lý chặt chẽ nguồn chi

Triển khai các giải pháp để tăng nguồn thu ngân sách; Tăng cường công tác chống thất thu; chú trọng bồi dưỡng nguồn thu; Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả việc bán đấu giá đất tại các khu vực đã có quy hoạch phân lô và giá khởi điểm. Hoàn thành các chỉ tiêu thu ngân sách trước ngày 30/11/2019.

Thực hiện chi ngân sách tiết kiệm, hiệu quả, thường xuyên kiểm tra các đơn vị sử dụng ngân sách trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

d) Tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý Nhà nước:

Triển khai có hiệu quả Đề án điều động công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã trên địa bàn huyện.

Xây dựng Đề án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã theo đúng tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết 32/NQ-CP ngày 14/5/2019 của Chính phủ về ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021. Sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức và giải quyết chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức dôi dư tại hai đơn vị Vinh Thái và Vinh Phú sau khi thực hiện sắp xếp.

Thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao chỉ số cải cách hành chính của huyện; Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về cải cách hành chính nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm cơ quan hành chính nhà nước, của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ.

Tiếp tục kiểm tra công tác cải cách hành chính ở các phòng, ban chuyên môn và UBND các xã, thị trấn, kết hợp chặt chẽ với việc kiểm tra tình hình thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo tinh thần chỉ đạo của UBND tỉnh.

Duy trì có hiệu quả Đề án Xây dựng Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hiện đại của Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn; Chỉ đạo các xã Phú Thuận, Vinh Phú, Phú Xuân và Vinh Thanh khẩn trương đưa vào hoạt động Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hiện đại trong quý III/2019.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội của chính quyền các cấp; Chủ động nắm tình hình từ cơ sở, đẩy mạnh việc thực hiện các kết luận sau thanh tra.

e) Bảo đảm quốc phòng - an ninh

Duy trì nghiêm nhiệm vụ trực sẵn sàng chiến đấu từ huyện đến cơ sở, phối hợp với các lực lượng nắm chắc tình hình địa bàn, kịp thời làm tham mưu cho cấp ủy, chính quyền giải quyết tốt các vấn đề nổi cộm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn trong mọi thời điểm.

Chủ động nắm chắc tình hình địa bàn, giám sát chặt chẽ đối tượng trọng điểm, bảo đảm tốt an ninh nông thôn; tăng cường nắm tình hình an ninh biên giới biển. Thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an ninh tôn giáo.

Tăng cường công tác phòng chống đối với các loại tội phạm nguy hiểm, tội phạm hoạt động băng ỏ nhóm; Kiên quyết không để hình thành các tụ điểm ma túy, mại dâm, cờ bạc trên địa bàn. Đẩy mạnh công tác phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, nhất là tại các địa bàn trọng điểm, phức tạp.

Tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ huyện, diễn tập cụm làng xã chiến đấu năm 2019 theo đúng kế hoạch và đạt kết quả tốt.

Triển khai công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2020 đảm bảo chỉ tiêu trên giao.

f) Công tác phòng, chống tham nhũng

Triển khai và hoàn thành các cuộc thanh tra theo kế hoạch năm 2019. Duy trì công tác tiếp công dân theo quy định; giải quyết dứt điểm, kịp thời các đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị và phản ánh mới phát sinh. Triển khai kiểm tra công tác phòng, chống tham nhũng theo kế hoạch và kê khai minh bạch tài sản, thu nhập năm 2019 theo đúng quy định.

h) Công tác phòng chống thiên tai, bão lụt

Triển khai tốt các phương án, biện pháp phòng, chống bão lụt năm 2019. Chú trọng công tác xây dựng kế hoạch, phương án di dời dân, phương tiện, lực lượng phòng, chống bão lụt - Tìm kiếm cứu nạn ở từng cơ sở, thôn xóm, khu dân cư để chủ động phòng, chống có hiệu quả, hạn chế thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra.

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao trách nhiệm:

1. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, tăng cường giám sát và động viên toàn dân thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2019 đã được Hội đồng nhân dân huyện quyết nghị.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Phú Vang khóa VI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 03 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2019./.

CHỦ TỊCH

Hồ Văn Cường

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1575/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 02 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành tiêu chí những dự án phát triển hạ tầng giao thông vận tải
thực hiện mục tiêu giảm tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 75/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về tăng cường bảo đảm trật tự an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông giai đoạn 2019 - 2021;

Căn cứ Thông tư 26/2012/TT-BGTVT ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải quy định việc xác định và xử lý vị trí nguy hiểm trên đường bộ đang khai thác;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1516/TTr-SKHĐT ngày 12 tháng 6 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành tiêu chí những dự án phát triển hạ tầng giao thông vận tải thực hiện mục tiêu giảm tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông với những nội dung chủ yếu sau:

1. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) Điểm đen tai nạn giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là "điểm đen") là nơi mà tại đó thường xảy ra tai nạn giao thông.

b) Điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đường bộ là nơi mà tại đó có thể xảy ra tai nạn giao thông.

c) Điểm ùn tắc giao thông là nơi mà tại đó nhu cầu sử dụng tiếp cận hoặc vượt quá khả năng thông hành thực tế.

d) Từ “điểm” ở điểm a, điểm b, điểm c Khoản này được hiểu là một vị trí, một đoạn đường hoặc trong khu vực nút giao.

đ) Cơ quan trực tiếp quản lý đường bộ là Sở Giao thông vận tải; Ban Quản lý Khu vực phát triển đô thị tỉnh Thừa Thiên Huế; Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế; UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện); UBND xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã).

2. Tiêu chí xác định điểm đen

Tiêu chí xác định điểm đen là tình hình tai nạn giao thông xảy ra trong một năm (12 tháng), thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) 02 vụ tai nạn giao thông có người chết;
- b) 03 vụ tai nạn trở lên, trong đó có 01 vụ có người chết.
- c) 04 vụ tai nạn trở lên, nhưng chỉ có người bị thương.

3. Tiêu chí xác định điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông

Tiêu chí xác định điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông là hiện trạng công trình đường bộ, hiện trạng khu vực và tình hình tai nạn giao thông xảy ra trong một năm (12 tháng), thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Hiện trạng công trình đường bộ, hiện trạng tổ chức giao thông và xung quanh vị trí có yếu tố gây mất an toàn giao thông;
- b) Xảy ra 05 vụ va chạm trở lên hoặc có ít nhất 01 vụ tai nạn nhưng chỉ có người bị thương.

4. Tiêu chí xác định điểm ùn tắc giao thông

Tiêu chí xác định điểm ùn tắc giao thông là tình hình giao thông xảy ra ít nhất một lần trong ngày, bao gồm cả 3 tiêu chí sau:

- Vận tốc trung bình dòng xe thấp hơn hoặc bằng 5 km/h;
- ùn tắc kéo dài trên 30 phút;
- Chiều dài dòng xe kéo dài từ 200 - 300m.

5. Thứ tự ưu tiên phân bổ nguồn vốn

a) Những dự án phát triển hạ tầng giao thông vận tải thực hiện mục tiêu giảm tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông là những dự án xử lý điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông, điểm ùn tắc giao thông.

b) Thứ tự ưu tiên phân bổ nguồn vốn: Ưu tiên phân bổ nguồn vốn cho những dự án phát triển hạ tầng giao thông vận tải thực hiện mục tiêu giảm tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông theo thứ tự: dự án xử lý điểm đen, dự án xử lý điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông, dự án xử lý điểm ùn tắc giao thông. Ưu tiên phân bổ kinh phí để xử lý các điểm đen, tiềm ẩn giao thông, điểm ùn tắc giao thông tại các khu vực trung tâm huyện, thị xã, thành phố;

c) Điều kiện để được xem xét ưu tiên bố trí nguồn: Căn cứ thành phần hồ sơ, các bước xử lý theo quy định, hướng dẫn tại Thông tư 26/2012/TT-BGTVT ngày 20/7/2012 của Bộ Giao thông vận tải quy định việc xác định và xử lý vị trí nguy hiểm trên đường bộ đang khai thác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan trực tiếp quản lý đường bộ chủ trì, phối hợp cơ quan Công an (định kỳ, đột xuất) để thống nhất số liệu, thống kê vụ va chạm, tai nạn giao thông và lập hồ sơ điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông.

2. Cơ quan trực tiếp quản lý đường bộ căn cứ vào số vụ va chạm, số vụ tai nạn giao thông trong một năm (12 tháng), mức độ nghiêm trọng về số người chết, số người bị thương, giá trị tài sản hư hỏng, số vụ ùn tắc giao thông đối chiếu với tiêu chí quy định tại Khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 1 của Quyết định này, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên xử lý, đề xuất những dự án phát triển hạ tầng giao thông vận tải thực hiện mục tiêu giảm tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường.

3. Hàng năm, căn cứ nguồn lực, nhu cầu thực tế phát triển kinh tế xã hội của địa phương và các quy định hiện hành, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh cân đối nguồn lực, đảm bảo bố trí đủ nguồn vốn để triển khai những dự án phát triển hạ tầng giao thông vận tải thực hiện mục tiêu giảm tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải; Giám đốc Kho Bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý Khu vực phát triển đô thị tỉnh; Trưởng Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Phương

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1668/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 10 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
**Về cơ chế, chính sách, đối tượng hỗ trợ, mức hỗ trợ
kinh phí trong phòng, chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về cơ chế chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để hỗ trợ sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh;

Căn cứ Quyết định số 793/QĐ-TTg ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách, đối tượng hỗ trợ, mức hỗ trợ kinh phí trong phòng, chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 1648/STC-QLNS ngày 05 tháng 7 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hỗ trợ kinh phí trong phòng, chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi như sau:

1. Hỗ trợ người chăn nuôi, hộ nông dân, chủ trang trại, gia trại, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, tổ hợp tác, hợp tác xã sản xuất trong lĩnh vực chăn nuôi (gọi chung là cơ sở chăn nuôi) có lợn buộc phải tiêu hủy do bệnh dịch tả lợn Châu Phi với mức cụ thể như sau:

- a) Đối với lợn con, lợn thịt các loại: Hỗ trợ 25.000 đồng/kg lợn hơi;
- b) Đối với lợn nái, lợn đực đang khai thác: Hỗ trợ 30.000 đồng/kg lợn hơi.

2. Hỗ trợ doanh nghiệp chăn nuôi nhỏ và vừa theo tiêu chí quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12/6/2017 (không bao gồm doanh nghiệp nhỏ và vừa là công ty con hoặc là công ty có vốn cổ phần chi phối của doanh nghiệp lớn) có lợn buộc phải tiêu hủy do bệnh dịch tả lợn châu Phi với mức hỗ trợ cụ thể như sau:

- a) Đối với lợn con, lợn thịt các loại: Hỗ trợ 8.000 đồng/kg lợn hơi;
- b) Đối với lợn nái, lợn đực đang khai thác: Hỗ trợ 10.000 đồng/kg lợn hơi.

Mức hỗ trợ cho các doanh nghiệp tối đa không quá 30% số lỗ do dịch bệnh sau khi đã sử dụng các quỹ dự phòng và tiền bồi thường bảo hiểm (nếu có).

3. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo tiêu chí quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12/6/2017 (không bao gồm doanh nghiệp nhỏ và vừa là công ty con hoặc là công ty có vốn cổ phần chi phối của doanh nghiệp lớn) và chủ hộ nuôi giữ lợn giống cụ kỵ, ông bà với mức 500.000 đồng/con lợn đến ngày 31/12/2019 nhằm nâng cao các biện pháp an toàn sinh học, sát trùng tiêu diệt các loại mầm bệnh đảm bảo duy trì đàn lợn giống phục vụ tái đàn khi kiểm soát được dịch bệnh.

4. Hỗ trợ trực tiếp cho cán bộ thú y và những người tham gia phòng, chống dịch bệnh động vật là 200.000 đồng/người/ngày đối với ngày làm việc và 400.000 đồng/người/ngày đối với ngày nghỉ, ngày lễ, Tết.

5. Nguyên tắc, trình tự, thủ tục hỗ trợ:

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để hỗ trợ sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

6. Nguồn lực và cơ chế hỗ trợ:

a) Nguồn lực:

- Dự phòng ngân sách tỉnh.
- Quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh.
- Dự phòng ngân sách các huyện, thị xã, thành phố Huế.
- Các nguồn tài chính hợp pháp khác.

b) Cơ chế hỗ trợ từ ngân sách tỉnh:

- Đối với chi phí phòng, chống dịch như: Chi phí hóa chất các loại để khử trùng, tiêu độc, vệ sinh chuồng trại, môi trường; mua trang phục phòng hộ cho người tham gia phòng, chống dịch; chi phí hỗ trợ người tham gia phòng chống dịch; kinh phí tuyên truyền, kiểm tra, chỉ đạo phòng, chống dịch,... các huyện, thị xã và thành phố Huế (gọi chung là các huyện) chủ động sử dụng nguồn ngân sách cấp huyện để thực hiện.

- Đối với phần chi phí hỗ trợ chủ vật nuôi có lợn bị tiêu hủy do mắc bệnh dịch tả lợn Châu Phi: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 70%, phần 30% còn lại các huyện chủ động sử dụng nguồn ngân sách cấp huyện để thực hiện.

c) Quy định khác:

Trường hợp các huyện có mức độ thiệt hại lớn, phần ngân sách địa phương đảm bảo tại điểm b nói trên vượt quá 10% nguồn dự phòng ngân sách cấp huyện (không bao gồm dự phòng ngân sách cấp xã), ngân sách tỉnh sẽ bổ sung thêm phần chênh lệch vượt quá 10% dự phòng ngân sách cấp huyện để các huyện có đủ nguồn lực thực hiện.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì, làm đầu mối thực hiện chính sách, nắm bắt kịp thời vướng mắc trong quá trình thực hiện để xử lý theo thẩm quyền hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan xử lý.

b) Theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình thiệt hại do dịch bệnh tả lợn Châu Phi của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; tổng hợp nhu cầu hỗ trợ kinh phí của các địa phương gửi Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định; hướng dẫn các địa phương thực hiện chính sách, mức hỗ trợ nêu trên.

2. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh nguồn kinh phí hỗ trợ cho các địa phương theo quy định.

b) Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Chính phủ và Bộ Tài chính bổ sung nguồn kinh phí thực hiện chính sách.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế:

a) Tổ chức thống kê, đánh giá thiệt hại do dịch bệnh tả lợn Châu Phi trên địa bàn (gồm cả các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng); chủ động sử dụng ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác, cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã để hỗ trợ kịp thời cho các chủ chăn nuôi có lợn bị tiêu hủy theo mức quy định tại Quyết định này.

b) Trường hợp có khó khăn về kinh phí, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, đề xuất nhu cầu gửi Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu tổng hợp.

c) Hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai thực hiện việc hỗ trợ trực tiếp đến các chủ chăn nuôi có lợn bị tiêu hủy đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng và mức quy định, dưới sự giám sát của người dân, không để xảy ra hiện tượng tiêu cực, trục lợi chính sách.

d) Tổng hợp các khó khăn vướng mắc (nếu có) trong quá trình thực hiện gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xử lý theo thẩm quyền hoặc phối hợp Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý kịp thời.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã:

Chịu trách nhiệm xác định chính xác đối tượng hỗ trợ, mức hỗ trợ cho từng đối tượng, chi trả, thanh, quyết toán kinh phí đúng đối tượng, đúng chế độ, không để thất thoát lãng phí và xảy ra tiêu cực, trục lợi chính sách.

5. Các quy định khác không nêu trong Quyết định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để hỗ trợ sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

a) Đối với các trường hợp xảy ra dịch và đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận trước ngày 27/6/2019 thì áp dụng mức hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 917/QĐ-UBND ngày 11/4/2019, Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 24/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định hiện hành khác.

b) Đối với các trường hợp xảy ra dịch và đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận từ ngày 27/6/2019 đến ngày Quyết định có hiệu lực thi hành thì áp dụng mức hỗ trợ theo quy định tại Quyết định này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

a) Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 917/QĐ-UBND ngày 11/4/2019 của UBND tỉnh về quy định hỗ trợ chủ chăn nuôi có lợn bị tiêu hủy do dịch bệnh và Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 24/5/2019 của UBND tỉnh về điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 917/QĐ-UBND ngày 11/4/2019 của UBND tỉnh.

b) Quyết định này sẽ hết hiệu lực vào ngày 31/12/2019.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Phương

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/CT-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 04 tháng 7 năm 2019

CHỈ THỊ
Về việc tăng cường các biện pháp cấp bách
phòng cháy, chữa cháy rừng

Liên tiếp trong những ngày cuối tháng 6/2019, trên toàn tỉnh đã xảy ra nhiều vụ cháy rừng lớn, chính quyền các địa phương và các lực lượng chức năng đã tích cực tổ chức ngăn chặn, cứu chữa, giảm thiểu thiệt hại do cháy rừng gây ra. Thực hiện Công điện số 776/CD-TTg ngày 29/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các biện pháp cấp bách phòng cháy, chữa cháy rừng, để ngăn chặn tình trạng cháy rừng có thể xảy ra trong thời gian tới, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cấp, các ngành, các địa phương tập trung thực hiện một số nhiệm vụ sau:

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế khẩn trương chỉ đạo và triển khai các biện pháp cấp bách sau đây:

- Chỉ đạo rà soát các phương án phòng cháy chữa cháy rừng, nhất là lực lượng, phương tiện, trang thiết bị để thực hiện tốt phương châm “4 tại chỗ - 5 sẵn sàng”; phân công lực lượng ứng trực 24/24 giờ trong suốt thời gian diễn ra nắng nóng khi dự báo cháy rừng cấp IV, V. Chú trọng thực hiện các phương án huy động lực lượng chữa cháy kịp thời, không để xảy ra cháy lớn, phân công nhiệm vụ chỉ huy, chỉ đạo chữa cháy tại hiện trường và thực hiện phương án thống nhất chỉ huy.

- Trong trường hợp cháy rừng xảy ra phải có phương án bảo vệ đường dây truyền tải điện quốc gia, đảm bảo an toàn kho tàng, tài sản của nhân dân và nhà nước, chủ động thực hiện sơ tán dân ra khỏi khu vực nguy hiểm bởi cháy rừng.

- Chỉ đạo các chủ rừng và các đơn vị liên quan tổ chức trực ban, trực chỉ huy, trực chòi canh và bố trí các điểm chốt chặn, tuần tra canh gác ở các khu vực trọng điểm dễ xảy ra cháy rừng, phối hợp kiểm soát chặt chẽ người ra vào khu vực rừng có nguy cơ cháy cao, kịp thời phát hiện các điểm cháy để huy động lực lượng, phương tiện cứu chữa kịp thời. Tiến hành kiểm tra định kỳ và đột xuất việc trực ban, trực chỉ huy, tuần tra tại hiện trường của các chủ rừng trên địa bàn.

- Nghiêm cấm việc đốt thực bì, đốt nương, đốt rác, đốt ong và các hành vi dùng lửa trái quy định có thể gây ra cháy rừng. Chỉ đạo xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy rừng.

- Chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp điều tra làm rõ nguyên nhân, truy tìm đối tượng vi phạm và xử lý nghiêm minh theo quy định pháp luật.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo các Ban quản lý rừng, các Công ty TNHH Nhà nước 1 Thành viên lâm nghiệp tập trung nguồn lực để thực hiện các phương án phòng cháy chữa cháy rừng; tổ chức trực chiến, trực ban, trực hiện trường và thực hiện tuần tra, giám sát lửa rừng; chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm thường xuyên chỉ đạo hướng dẫn, kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy rừng tại các địa phương, có kế hoạch phối hợp với các lực lượng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy, Quân đội sẵn sàng lực lượng, phương tiện, trang thiết bị cho chữa cháy rừng.

3. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy bộ đội Biên phòng tỉnh và Công an tỉnh chỉ đạo các đơn vị trực thuộc chuẩn bị các phương án, lực lượng, phương tiện sẵn sàng tham gia chữa cháy khi có yêu cầu.

Công an tỉnh chỉ đạo các đơn vị nghiệp vụ phối hợp với các đơn vị Kiểm lâm điều tra thủ phạm gây ra các vụ cháy, xử lý nghiêm minh các đối tượng vi phạm theo quy định pháp luật.

4. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh (TRT), Báo Thừa Thiên Huế có trách nhiệm thực hiện tốt công tác tuyên truyền về phòng cháy chữa cháy rừng; kịp thời đưa thông tin về cảnh báo và dự báo cháy rừng trong thời điểm xảy ra nắng nóng.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan nghiêm túc thực hiện các nội dung của Chỉ thị này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Phương

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/CT-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 08 tháng 7 năm 2019

CHỈ THỊ

Về việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019

Thực hiện công tác kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất quy định theo quy định Điều 34 của Luật Đất đai năm 2013 và Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 17/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019; Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế và Thủ trưởng các Sở, ngành có liên quan tổ chức thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019, với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục đích, yêu cầu

- Việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 nhằm đánh giá được chính xác thực trạng tình hình sử dụng đất đai của từng đơn vị hành chính các cấp xã, huyện, tỉnh; làm cơ sở để đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất đai trong 5 năm qua và đề xuất cơ chế, chính sách, biện pháp nhằm tăng cường quản lý nhà nước về đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất của các cấp, đồng thời làm cơ sở cho việc lập, điều chỉnh, quản lý, thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong giai đoạn 2021 - 2030.

- Việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 phải được thực hiện đầy đủ, chính xác, đúng thời gian; bảo đảm tính khách quan, trung thực, phản ánh thực tế sử dụng đất.

2. Nội dung kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019

Nội dung kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất của từng đơn vị hành chính các cấp trong năm 2019, bao gồm:

a) Diện tích các loại đất theo quy định tại Điều 10 của Luật Đất đai năm 2013; diện tích các loại đối tượng đang sử dụng đất, đối tượng đang quản lý đất theo quy định tại Điều 5 và Điều 8 của Luật Đất đai năm 2013. Trong đó, kiểm kê chi tiết các loại đất trồng lúa, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng.

b) Diện tích đất ngập nước, đất khu bảo tồn thiên nhiên, đất cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học theo quy định tại Điều 16 và Điều 35 của Luật Đa dạng sinh học.

c) Tình hình sử dụng đất do doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp cổ phần hóa quản lý sử dụng; đất do các ban quản lý rừng và các doanh nghiệp sản xuất nông, lâm nghiệp sử dụng; đất tại các dự án xây dựng nhà ở thương mại; đất xây dựng các công trình sự nghiệp ngoài công lập, công trình công cộng có mục đích kinh doanh; đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích.

Việc kiểm kê đất đai năm 2019 phải đánh giá được thực trạng tình hình quản lý, sử dụng đất; tình hình biến động đất đai trong 5 năm qua của từng đơn vị hành chính các cấp xã, huyện, tỉnh; nhất là việc quản lý, thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; việc chấp hành pháp luật đất đai của các tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất; làm rõ nguyên nhân hạn chế, tồn tại; đề xuất đổi mới cơ chế, chính sách, pháp luật đất đai và các biện pháp tăng cường quản lý, sử dụng đất để khắc phục hạn chế, tồn tại hiện nay.

3. Giải pháp thực hiện

a) Việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất đối với các nội dung tại điểm a và b, khoản 2 của Chỉ thị này phải được thực hiện trên cơ sở tài liệu, dữ liệu đất đai hiện có, kết hợp với điều tra thực tế, khoan vẽ, chỉnh lý lên bản đồ đối với các trường hợp biến động trong kỳ kiểm kê (từ năm 2015 đến năm 2019) và tổng hợp kết quả kiểm kê đất đai.

b) Việc kiểm kê đất đai chuyên đề đối với các nội dung tại điểm c, mục 2 của Chỉ thị này được thực hiện bằng phương pháp điều tra trực tiếp để tổng hợp, báo cáo.

c) Áp dụng công nghệ thông tin cho việc thu thập, tính toán, tổng hợp diện tích đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất các cấp để bảo đảm độ chính xác, thống nhất kết quả kiểm kê đất đai.

d) Tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ trong quá trình thực hiện; đặc biệt coi trọng việc kiểm tra nghiệm thu kết quả thực hiện của tất cả các công đoạn, ở các cấp, nhất là việc thực hiện ở cấp xã để bảo đảm yêu cầu chất lượng và tính trung thực của số liệu kiểm kê.

đ) Các địa phương căn cứ vào yêu cầu công việc và điều kiện thực tế để huy động lực lượng chuyên môn phù hợp hiện có của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập ở các cấp cùng tham gia thực hiện nhằm bảo đảm chất lượng và thời gian thực hiện; trường hợp thiếu nhân lực thì thuê các tổ chức có chuyên môn phù hợp ngoài công lập để thực hiện.

4. Thời điểm thực hiện và thời hạn hoàn thành

a) Thời điểm kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất được thực hiện thống nhất trên toàn tỉnh từ ngày 01 tháng 8 năm 2019. Số liệu kiểm kê đất đai năm 2019 được tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2019.

b) Thời hạn hoàn thành và báo cáo kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 được quy định như sau:

- Cấp xã hoàn thành và báo cáo kết quả trước ngày 16 tháng 01 năm 2020;
- Cấp huyện hoàn thành và báo cáo kết quả trước ngày 01 tháng 3 năm 2020;
- Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp báo cáo UBND tỉnh trước ngày 31 tháng 3 năm 2020;
- Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 4 năm 2020.

5. Kinh phí

Kinh phí kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 do ngân sách nhà nước đảm bảo, cân đối trong dự toán ngân sách được giao hàng năm.

6. Tổ chức thực hiện

a) Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh trong việc thực hiện việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trên phạm vi toàn tỉnh;

- Chủ trì lập Dự toán Kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 theo nội dung quy định của Luật Đất đai, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và quy định, hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để thực hiện;

- Tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ chuyên môn cấp huyện, xã; chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, tổ chức thẩm định kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất trên phạm vi toàn tỉnh;

- Tổng hợp, xây dựng báo cáo kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 toàn tỉnh.

b) Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh:

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị an ninh, quốc phòng của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh thực hiện kiểm kê quỹ đất quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh để thống nhất số liệu phục vụ yêu cầu tổng hợp kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 của địa phương; đồng thời gửi báo cáo kết quả về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp.

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc chỉ đạo cung cấp bản đồ, số liệu kết quả kiểm kê hiện trạng rừng và số liệu thống kê hiện trạng rừng năm gần nhất để phục vụ yêu cầu kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019; đồng thời rà soát số liệu kiểm kê, thống kê hiện trạng rừng ở các cấp để bảo đảm thống nhất với số liệu kiểm kê đất đai năm 2019.

d) Sở Nội vụ:

Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế chỉ đạo rà soát, xác định và chỉ đạo giải quyết khu vực còn đang tranh chấp địa giới hành chính cấp xã, huyện, làm cơ sở pháp lý cho kiểm kê đất đai.

đ) Sở Tài chính:

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường lập và thẩm định dự toán kinh phí kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 để thực hiện trên toàn tỉnh;

- Hướng dẫn việc sử dụng kinh phí đối với hoạt động kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019.

e) UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế:

- Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh trong việc thực hiện kiểm kê đất đai, xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trong phạm vi hành chính thuộc địa phương mình quản lý;

- Xây dựng kế hoạch, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc UBND cấp xã triển khai nhiệm vụ kiểm kê đất đai, xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019;

- Tổng hợp, xây dựng báo cáo kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp mình quản lý.

f) UBND cấp xã: Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND huyện, thị xã và thành phố Huế trong việc thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trong phạm vi hành chính thuộc địa phương mình quản lý.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm thi hành Chi thị này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Thiên Định

VĂN PHÒNG UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ XUẤT BẢN

Địa chỉ: 16 Lê Lợi, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Điện thoại liên hệ: 0234.3834537; Fax: 0234.3834537

Email: congbao@thuathienhue.gov.vn;

Website: <http://congbao.thuathienhue.gov.vn>;

In tại: Công ty CP In và Dịch vụ giáo dục Huế.